

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CẨM GIÀNG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **04/2023/DS-ST**

Ngày: **09/6/2023**

“V/v Tranh chấp chia di sản thừa kế”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trương Thị Tố Uyên**

Hội thẩm nhân dân: Bà **Trần Thị Khanh** và bà **Khương Thị Lơ**

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Bà **Đỗ Thị Xoa** - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2022/TLST- DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về việc *“Tranh chấp chia di sản thừa kế”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2023/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2023, theo Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2023/QĐ-HPT ngày 10/5/2023, theo thông báo thời gian mở lại phiên tòa ngày 29/5/2023 của Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Lưu Văn Đ**, sinh năm 1961

Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo uỷ quyền của ông Lưu Văn Đạt: Ông **Chu Thanh N**, sinh năm 1969. Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Văn Minh, xã Kim Anh, huyện Kim Thành, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: 1. Ông **Lưu Văn N1**, sinh năm 1964

Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Số 390/86 Nguyễn Đình Chiểu phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Số 26/1 đường số 1 cư xá Đô Thành, phường 4, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bà **Lưu Thị N2**, sinh năm 1971

Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Số 925/48A đường Hậu Giang, phường 11, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lưu Thị Nhị: Bà **Đoàn Thị Kim H**, sinh năm 1971. Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Số 390/86 Nguyễn Đình Chiểu phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Địa chỉ liên lạc: Số 26/1

đường số 1 cư xá Đô Thành, phường 4, quận 3 thành phố Hồ Chí Minh.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Lưu Thị N3**, sinh năm 1952

Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Số 584 khu dân cư ấp Bình Nhứt, xã Nhị Mỹ huyện Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

2. Ông **Lưu Văn N4**, sinh năm 1957

Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Số 182 Nguyễn Kim, phường 6, quận 10, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Lưu Thị N3, ông Lưu Văn N4: Anh **Lưu Văn T**, sinh năm 1991. Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

3. Bà **Hoàng Thị V** sinh năm 1962

Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

4. **UBND thị trấn L, huyện C.** Người đại diện theo pháp luật: Ông **Nguyễn Văn M** - Chủ tịch UBND thị trấn L, huyện C, tỉnh H.

* Người làm chứng: Bà Cao Thị L, sinh năm 1967

Đăng ký hộ khẩu và thường trú: Thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

(Ông Đ, ông N, ông N1, bà H, anh T đều có mặt, bà V vắng, bà L vắng mặt và đều đề nghị được vắng mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Tại Đơn khởi kiện, bản tự khai, các biên bản lấy lời khai của nguyên đơn cũng như tại phiên tòa người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn trình bày:* Bố mẹ của ông Đ là cụ Lưu Văn G, sinh năm 1929 và cụ Lưu Thị N5 sinh năm 1931, hai cụ sinh được 5 người con, bao gồm: bà Lưu Thị N1, ông Lưu Văn N4, ông là Lưu Văn Đ, ông Lưu Văn N2 và bà Lưu Thị N3. Ngoài ra, các cụ không có con riêng, không có người con nuôi nào khác. Quá trình sống, hai cụ tạo lập được khối tài sản chung là Thửa đất số 118; tờ bản đồ số 15 diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở; 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216 m² đất trồng cây lâu năm (lâu dài) tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND (huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng), nay là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lưu Văn Giang vào ngày 21/3/1997. Về nguồn gốc thửa đất này do hai cụ đổi cho con gái lớn của hai cụ là bà Lưu Thị N vào năm 1987 từ thửa đất ở giữa làng của ông cha để lại cho hai cụ, sau khi đổi đất hai cụ cùng vợ chồng ông Đ chuyển ra sinh sống cho đến khi già yếu và chết tại nhà đất này. Ông xác định khi chuyển đến ở thì trên thửa đất có ngôi gian cấp 4 cũ nát, vợ chồng ông xây dựng toàn bộ công trình phụ cho hai cụ sinh hoạt trong cuộc

sống hàng ngày, đồng thời trong suốt quá trình chung sống với bố mẹ vợ chồng ông đã san lấp, vượt lập, tôn tạo thêm thửa đất của các cụ nhiều lần trong suốt nhiều năm mới được mặt bằng như hiện nay (trước kia là thung vũng, ruộng chỗ cao, chỗ thấp). Ngoài ra, vợ chồng ông là người trực tiếp nuôi dưỡng bố mẹ từ năm 1981 cho đến khi hai cụ chết, hai cụ không có lương, không có trợ cấp gì. Cụ G đã chết ngày 31/7/2003, cụ N5 chết ngày 07/01/2005, khi hai cụ chết vợ chồng ông và ông N, bà N cùng chi phí lo công việc hậu sự cho cả hai cụ; ông N, bà N không đóng góp đồng nào vào việc lo ma cho bố mẹ. Vì vợ chồng ông có công với 2 cụ nên khi bố mẹ còn sống đã nói và tự viết giấy với nội dung tại bản ghi chú ghi để lại cho con thể hiện ông Lưu Văn G ghi ngày 05/11/2002 với nội dung vợ chồng ông G chuyển quyền thừa kế cho con là ông Lưu Văn Đ được hưởng toàn bộ tài sản chung của bố mẹ là nhà đất tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và 01 giấy ủy quyền mang tên ông Lưu Văn G ủy quyền cho ông Lưu Văn Đ ghi ngày 17/7/2003, có ông Lưu Quốc Hưng cơ sở thôn xác nhận ngày 19/7/2003 và được ông Trần Xuân Triệu chủ tịch UBND thị trấn Lai Cách xác nhận ngày 21/7/2003. Nhưng do các cụ đã mất, nay ông N và bà N không thiện chí để cùng các anh em làm thủ tục hành chính sang tên tài sản của các cụ cho ông. Do vậy, ông xác định tài sản chung của hai cụ là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15, trên diện tích đất có ngôi nhà cấp 4 tại địa chỉ: Thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương là tài sản chung của bố mẹ, quá trình sử dụng thửa đất không có tranh chấp với ai, đề nghị Tòa án xác định diện tích hiện trạng là diện tích đất thực tế của bố mẹ ông, vợ chồng ông đã có công sức tôn tạo, duy trì di sản của bố mẹ nhưng ông bà không thể tự tính được khối lượng và giá trị cụ thể nên ông đề nghị Tòa án tính toán cho vợ chồng ông. Do hiện trạng thửa đất hiện nay mặt tiền của thửa đất liền kề với đất “mương” do UBND thị trấn Lai Cách quản lý nên ông đề nghị Tòa án trích một phần đất hợp pháp của bố mẹ ông để làm đường đi chung, đồng thời đề nghị Tòa án xử cho gia đình hai cụ được tiếp tục sử dụng diện tích mương do UBND thị trấn Lai Cách quản lý mà vợ chồng ông đã san lấp làm lối đi duy nhất, ổn định từ năm 2006 cho đến nay, khi UBND thị trấn sử dụng mục đích chung ông hoàn toàn chấp hành và sẽ không yêu cầu bồi thường gì. Sau khi áng trích công sức cho vợ chồng ông và trích một phần diện tích của hai cụ làm đường đi chung, phần đất còn lại ông đề nghị phân chia theo pháp luật, ông có nguyện vọng được hưởng phần thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất trên có ngôi nhà 2 tầng kiên cố và các công trình khác do vợ chồng ông xây dựng năm 2006. Trường hợp Tòa án chia kỹ phần di sản là diện tích đất cho những các đồng thừa kế mà trên diện tích đất có tài sản do vợ chồng ông đã xây dựng và sửa chữa, ông tự nguyện không yêu cầu họ

hoàn trả trị giá còn lại các công trình là tài sản thuộc quyền sở hữu của ông, ông sẽ tự tháo dỡ công trình đó đi để trả diện tích đất cho những người được hưởng. Phần di sản được hưởng bằng hiện vật của bà N và ông N tự nguyện tặng cho ông Đ, ông Đ hoàn toàn đồng ý nhận. Ông Đ xác định ngoài khối di sản bố mẹ để lại nêu trên thì hai cụ không còn có tài sản là động sản và bất động sản nào khác, không để lại nghĩa vụ gì nên không đề nghị Tòa án giải quyết. Ông xác định quá trình sử dụng đất không có tranh chấp với những hộ xung quanh, ông tự nguyện chịu cả số tiền chi phí thẩm định, đề nghị Tòa án miễn án phí cho ông theo qui định của pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa bị đơn là ông Lưu Văn N trình bày:* Ông xác định về diện hàng thừa kế, thời điểm bố mẹ chết và di sản của bố mẹ chết để lại như ông Đ kê khai là đúng. Bố mẹ ông chết không để lại di chúc, Thửa đất số 118; tờ bản đồ số 15 diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở; 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu năm (lâu dài) tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được UBND (huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng), nay là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1997 mang tên cụ Lưu Văn Giang nhưng là tài sản chung của cụ Giang và cụ Năm, tài sản gắn liền với đất có ngôi nhà cấp 4 xây năm 1984 đã cũ, năm 2017 vợ chồng ông Đ tự cải tạo, sửa chữa (lát nền nhà, ốp gạch thay trát tường, cải tạo xây coi thêm tầng 2 của 01 gian phần bên phải của hướng ngôi nhà cấp 4... trát sân bê tông) thể hiện như hiện trạng tại buổi thẩm định. Khi vợ chồng ông Đ tu sửa, xây dựng, cải tạo nhà của bố mẹ nhưng không nói gì cho ông biết, ông cũng không đóng góp gì về phần tu sửa nhà cấp 4, xây dựng ngôi nhà 2 tầng kiên cố và một số công trình phụ khác. Ông thừa nhận, bố mẹ ông ở cùng với vợ chồng ông Đ từ năm 1981 cho đến khi chết, cuộc sống hàng ngày của hai cụ vợ chồng ông Đ trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng bố mẹ ông lúc ốm đau, già yếu. Cụ G chết vào năm 2003 và cụ N chết vào năm 2005, thời điểm cả bố và mẹ ông chết thì có 3 anh em trai bao gồm có ông N, ông Đ và ông đều đóng góp tiền để lo mai táng cho bố mẹ, 2 bà con gái thì 3 anh em ông thống nhất miễn không phải đóng góp gì. Nay, vợ chồng ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông Đ được hưởng công sức tôn tạo, duy trì di sản nhưng ông Đ không tự tính được trị giá, đồng thời ông Đ đề nghị được hưởng di sản bằng hiện vật và có nguyện vọng được hưởng phần diện tích đất có ngôi nhà 02 tầng kiên cố do vợ chồng ông Đ xây dựng vào năm 2006, ông đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Hiện trạng thửa đất của bố mẹ ông trong quá trình sử dụng cho đến nay không có tranh chấp với ai, ranh giới rõ ràng, đề nghị Tòa án xác định diện tích đất hiện trạng là diện tích thực tế của bố mẹ ông. Do hiện trạng thửa đất có mặt tiền liền kề với đất “mương” do UBND thị trấn Lai Cách quản lý nên ông đề nghị Tòa án trích

một phần đất hợp pháp của bố mẹ ông để làm đường đi chung, đồng thời đề nghị Tòa án xử cho gia đình ông được tiếp tục sử dụng diện tích nương do UBND thị trấn Lai Cách quản lý mà vợ chồng ông Đ đã san lấp làm lối đi duy nhất vào thửa đất ổn định từ năm 2006 cho đến nay, khi UBND thị trấn sử dụng mục đích chung ông hoàn toàn chấp hành và sẽ không yêu cầu bồi thường gì. Sau khi áng trích công sức cho vợ chồng ông Đ và trích một phần diện tích của hai cụ làm đường đi chung, phần đất còn lại được chia cho 5 người con của bố mẹ, ông có nguyện vọng được nhận kỷ phần bằng hiện vật là đất, nếu diện tích đất ông được hưởng trên có tài sản là nhà cấp 4 cũ của bố mẹ ông hoặc tài sản của vợ chồng ông Đ mà ông Đ tự nguyện không yêu cầu hoàn trả trị giá còn lại thì ông cũng tự phá dỡ, nếu ông Đ tự phá dỡ ông cũng đồng ý. Ngoài ra, ông khẳng định ngoài khối di sản do bố mẹ ông để lại đang tranh chấp nêu trên thì bố mẹ ông không còn có tài sản là động sản và bất động sản nào khác. Không để lại nghĩa vụ gì đối với khối di sản nêu trên, ông không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn trong vụ án này. Về khoản tiền chi phí tố tụng ông Đạt tự nguyện chịu và không yêu cầu ông chịu, ông đồng ý; Về án phí ông đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

** Tại biên bản lấy lời khai cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là bà Lưu Thị N3, bà Đoàn Thị Kim H trình bày:* Bà xác định về mối quan hệ giữa cụ Giang và cụ Năm, các con chung của hai cụ; hai cụ không có con riêng, không có người con nuôi nào khác; mối quan hệ giữa ông Đ và bà V; thời điểm chết của cụ Giang, cụ Năm chết và các cụ chết không để lại di chúc. Bà thống nhất như nguyên đơn, bị đơn đã trình bày. Bà xác định di sản của cụ Giang và cụ Năm chết đi để lại là Thửa đất số 118; tờ bản đồ số 15 diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở; 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu năm (lâu dài) tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được UBND (huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng), nay là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1997 mang tên cụ Lưu Văn Giang nhưng là tài sản chung của cụ Giang và cụ Năm, gắn liền với đất có ngôi nhà cấp 4 xây năm 1984 đã cũ, năm 2017 vợ chồng ông Đ tự cải tạo, sửa chữa. Ngoài khối di sản do hai cụ để lại đang tranh chấp nêu trên thì hai cụ không còn có tài sản nào khác, không để lại nghĩa vụ gì đối với khối di sản nêu trên. Nay, vợ chồng ông Đ đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng ông Đ được hưởng công sức tôn tạo, duy trì di sản nhưng ông Đ không tự tính được trị giá, đồng thời ông Đ đề nghị được hưởng di sản bằng hiện vật và có nguyện vọng được hưởng phần diện tích đất có ngôi nhà 02 tầng kiên cố do vợ chồng ông Đ xây dựng vào năm 2006, bà N đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật. Thửa đất của hai cụ trong quá trình sử dụng cho đến nay không có tranh chấp với ai, ranh giới rõ ràng, đề nghị Tòa án xác

định diện tích hiện trạng là diện tích thực tế của cụ Giang và cụ Năm. Do hiện trạng thửa đất có mặt tiền liền kề với đất “mương” do UBND thị trấn Lai Cách quản lý nên bà đề nghị Tòa án trích một phần đất hợp pháp của hai cụ để làm đường đi chung, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử cho các hàng thừa kế được tiếp tục sử dụng diện tích mương do UBND thị trấn Lai Cách quản lý mà vợ chồng ông Đạt đã san lấp làm lối đi duy nhất, ổn định từ năm 2006 cho đến nay, khi UBND thị trấn sử dụng mục đích chung bà N hoàn toàn chấp hành và sẽ không yêu cầu bồi thường gì. Sau khi áng trích công sức cho vợ chồng ông Đ và trích một phần diện tích của hai cụ làm đường đi chung, phần đất còn lại được chia cho 5 người của hai cụ, bà N có nguyện vọng được nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật là đất, nếu diện tích đất bà N được hưởng trên có tài sản là nhà cấp 4 cũ của bố mẹ hoặc tài sản của vợ chồng ông Đ mà ông Đ tự nguyện không yêu cầu hoàn trả trị giá còn lại thì bà N tự phá dỡ, nếu ông Đ tự phá dỡ bà N cũng đồng ý. Ngoài khối di sản của hai cụ để lại đang tranh chấp nêu trên thì hai không còn có tài sản là động sản và bất động sản nào khác, không để lại nghĩa vụ gì đối với khối di sản nêu trên, bà N không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về khoản tiền chi phí tố tụng ông Đ tự nguyện chịu và không yêu cầu bà chịu, bà đồng ý; Về án phí bà đề nghị Tòa án giải quyết theo pháp luật.

** Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (ông N, bà N), anh T trình bày:* Về mối quan hệ giữa cụ Giang và cụ Năm, các con chung của hai cụ; không có con riêng, không có người con nuôi nào khác; mối quan hệ giữa ông Đ và bà V; thời điểm chết của cụ Giang, cụ Năm chết, khi chết không để lại di chúc, thống nhất như nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn đã trình bày. Thửa đất số 118; tờ bản đồ số 15 diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở; 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu năm (lâu dài) tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được UBND (huyện Cẩm Bình, tỉnh Hải Hưng), nay là huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 21/3/1997 mang tên cụ Lưu Văn Giang nhưng là tài sản chung của hai cụ. Quá trình còn sống hai cụ ở cùng với vợ chồng ông Đạt, bà Vẻ, thửa đất là tài sản của hai cụ là thung vũng, ruộng chỗ cao, chỗ thấp nên vợ chồng ông Đ đã san lấp, vượt lập, tôn tạo trong suốt nhiều năm và xây dựng công trình phụ cho các cụ sử dụng. Sau khi các cụ chết thì vợ chồng ông Đ sửa chữa lại ngôi nhà cấp 4 làm nơi thờ cúng hai cụ vào năm 2017; đồng thời có xây dựng mới ngôi nhà 02 tầng kiên cố trên thửa đất của hai cụ, bà N và ông N đều xác định không đóng góp đồng nào cũng như không có công sức gì trong việc tôn tạo khối tài sản chung của hai cụ để lại, kể từ khi hai cụ chết thì vợ chồng ông Đ là người quản lý, sử dụng thửa đất là di sản của hai cụ, trong suốt quá

trình sử dụng thửa đất không có tranh chấp với ai. Bà N và ông N xác định thửa đất số 118 tờ bản đồ số 15 tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và ngôi nhà cấp 4 nằm trên thửa đất là tài sản chung của hai cụ; một số tài sản như ngôi nhà ở 2 tầng xây dựng kiên cố và một số các công trình khác gắn liền thửa đất của hai cụ là của vợ chồng ông Đ, hai cụ chết không để lại nghĩa vụ gì đối với khối tài sản chung của hai cụ. Do các con của hai cụ không thống nhất được với nhau phương thức chia di sản thừa kế của bố mẹ để lại nên ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương giải quyết tranh chấp. Bà N và ông N khẳng định thửa đất của hai cụ không có tranh chấp với ai, ranh giới rõ ràng, đề nghị Tòa án xác định diện tích hiện trạng là diện tích thực tế của cụ Giang và cụ Năm. Do hiện trạng thửa đất có mặt tiền liền kề với đất “mương” do UBND thị trấn Lai Cách quản lý nên đề nghị Tòa án trích một phần đất hợp pháp của hai cụ để làm đường đi chung, đồng thời đề nghị Tòa án xét xử cho các đồng thừa kế được tiếp tục sử dụng diện tích mương do UBND thị trấn Lai Cách quản lý mà vợ chồng ông Đ đã san lấp làm lối đi duy nhất, ổn định từ năm 2006 cho đến nay, khi UBND thị trấn sử dụng mục đích chung bà hoàn toàn chấp hành và sẽ không yêu cầu bồi thường gì. Sau khi áng trích công sức tôn tạo, duy trì di sản cho vợ chồng ông Đ và trích một phần diện tích đất của hai cụ làm đường đi chung, phần diện tích đất còn lại được chia cho 5 người con của hai cụ, bà N bà ông N có nguyện vọng được nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật là đất và ông bà tự nguyện tặng cho lại ông Đ kỷ phần của ông bà. Bà N và ông N xác định không có yêu cầu phản tố đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và ý kiến của bị đơn; ông bà đề nghị Tòa án miễn án phí theo pháp luật cho ông bà.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà Hoàng Thị V trình bày:*
Bà xác định kết hôn với ông Đ năm 1981, vợ chồng bà chung sống cùng cụ Giang và cụ Năm đến khi các cụ chết. Cụ G đã chết ngày 31/7/2003, cụ Năm chết ngày 07/01/2005, tài sản chung của hai cụ là nhà đất tại thửa đất số 118 tờ bản đồ số 15 diện tích 588m² tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương được UBND huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng), tỉnh Hải Dương cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lưu Văn Giang vào ngày 21/3/1997. Trong suốt quá trình chung sống cùng bố mẹ thì vợ chồng bà có công tôn tạo thửa đất trong suốt nhiều năm, khi còn sống hai cụ đều không có đồng lương và thu nhập gì, vợ chồng bà là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai cụ, những lúc ốm đau, già yếu cho đến khi hai cụ chết đều do vợ chồng bà trực tiếp đảm nhiệm. Mặc dù hai cụ chết không để lại di chúc nhưng có để lại giấy ghi chúc viết tay của hai cụ đề ngày 05/11/2022 và giấy ủy quyền đề ngày 17/7/2003 nội dung để lại cho ông Lưu Văn Đ toàn bộ tài sản chung của hai cụ là nhà đất tại thửa đất số 118 tờ bản

đồ số 15 diện tích 588m² tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Vì vậy, năm 2017 vợ chồng bà đã sửa chữa lại toàn bộ ngôi nhà cấp 4 của hai cụ và xây lên tầng 2 ở gian buồng, lát nền nhà, ốp gạch thay trát toàn bộ tường của ngôi nhà, cải tạo xây coi thêm phần bên phải hướng nhà... trật sân bê tông, như hiện trạng hiện nay với mục đích làm nơi thờ cúng hai cụ. Khi vợ chồng bà tu sửa, xây dựng, cải tạo ngôi nhà thì có thông báo cho các anh em ruột của ông Đ biết, bà N và ông N hoàn toàn đồng ý, ông N và bà N không ai có ý kiến gì. Các anh em ruột của ông Đ không ai đóng góp đồng nào vào việc vợ chồng bà tu sửa nhà của bố mẹ. Ngoài ra, vợ chồng bà còn xây dựng ngôi nhà mới 2 tầng kiên cố để cả gia đình bà sinh sống. Nay, các con của hai cụ không thống nhất được phương thức chia di sản của bố mẹ để lại nên ông Đ khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng tỉnh Hải Dương giải quyết việc tranh chấp. Bà xác định vợ chồng bà có công sức tôn tạo, duy trì di sản của hai cụ nhưng vợ chồng bà không thể tự tính được khối lượng và giá trị nên bà đề nghị Tòa án ấn định công sức cho vợ chồng bà đỡ thiệt thòi, bà tự nguyện cho phần công sức của mình cho ông Đ, đề nghị Tòa án tính vào phần công sức cho ông Đ. Đối với các công trình vợ chồng bà đã kiến thiết xây dựng trên thửa đất là di sản của hai cụ, trường hợp Tòa án chia đất cho các con của hai cụ mà trên diện tích đất đó có tài sản của vợ chồng bà, bà tự nguyện không yêu cầu họ phải trả tiền chênh lệch trị giá tài sản trên diện tích đất họ được hưởng. Ngoài ra bà không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề gì khác.

** Người làm chứng là bà Cao Thị L trình bày:* Nguồn gốc thửa đất của cụ Giang và cụ Năm là do cho con gái lớn của hai cụ là bà Lưu Thị N vào năm 1987, khi hai cụ cùng vợ chồng ông Đ bà V chuyển về sinh sống tại thửa đất này thì lúc đó còn là ruộng và thung vũng, chỗ cao, chỗ thấp. Quá trình sống cùng hai cụ vợ chồng ông Đ đã vượt lập, tôn tạo trong nhiều năm mới được cao và phẳng như hiện nay. Từ năm 1987 chỉ có vợ chồng ông Đ bà V sinh sống cùng hai cụ trên thửa đất này, quá trình sử dụng đất thì hai cụ và vợ chồng ông Đ không có tranh chấp với nhà bà và cũng không có tranh chấp với các hộ xung quanh, khi hai cụ mất cũng làm ma tại nhà đất này của hai cụ.

** Theo biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ xác định:*

- Thửa đất mang tên cụ Lưu Văn Giang, có các cạnh cụ thể: Cạnh Tây Nam giáp đường thôn Trụ, thị trấn Lai Cách; Cạnh Đông Nam giáp thửa đất hộ gia đình bà Lương Thị Lùng; Cạnh Tây Bắc giáp thửa đất gia đình bà Cao Thị L; Cạnh Đông Bắc giáp thửa đất khác của gia đình ông Lưu Văn Đ đang sử dụng (đất thuộc UBND thị trấn quản lý). Thửa đất này có địa chỉ tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được UBND huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng) cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 21/3/1997

mang tên cụ Lưu Văn Giang, diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở lâu dài, 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài). Tuy nhiên, theo hiện trạng tổng diện tích đất là 782,4m². Như vậy, diện tích theo hiện trạng nhiều hơn với diện tích đã được UBND huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên cụ Lưu Văn Giang diện tích đất, có biến động (782,4 m² – 588m² = 194,4 m²). Các tài sản là công trình và cây trên thửa đất: 01 ngôi nhà 2 tầng xây bằng gạch chỉ, móng đóng cọc tre, mái đổ bê tông, xây dựng kiên cố vào năm 2006 đến năm 2017 mới hoàn thiện; 01 ngôi nhà cấp 4 xây gạch chỉ tường 20, xây dựng năm 1984, đã cải tạo, sửa chữa vào năm 2017, cụ thể: Thay mái ngói ta, lát nền gạch đá hoa, ốp gạch men thay trát tường toàn bộ phía trên trong của ngôi nhà; xây thêm tầng 2 của 01 gian đổ mái bằng, tầng 2 lợp ngói ta (phía bên phải của ngôi nhà cấp 4) vào năm 2017; Trát toàn bộ sân của ngôi nhà cấp 4 bằng bê tông vào khoảng năm 2017- 2018; Cánh Đông Nam tường gạch ba banh, cao khoảng 1,5m, cổng sắt kéo rộng khoảng 3m; Phía sau nhà cấp 4 có 01 nhà kho lợp mái tôn và mái prôxi măng làm đưa ra phía ngoài; 01 cây vú sữa; 01 cây thị; 01 cây sung; 01 cây thị.

** Kết quả định giá Hội đồng định giá xác định giá trị của các tài sản được thể hiện:*
Giá trị đất ở tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; giá trị theo thị trường đối với đất ở là 10.000.000đ/m²; giá trị đất trồng cây lâu năm theo thị trường là 5.000.000đ/m²; Giá trị 01 ngôi nhà cấp 4 gạch chỉ cũ; tường 20, xây năm 1984, sửa chữa năm 2017, giá trị còn lại = 87.755.000đồng; Giá trị nhà kho phía sau nhà cấp 4 (năm 2018), giá trị còn lại = 3.250.000đồng; Giá trị mái tôn (sau nhà kho), giá trị còn lại = 1.629.000đồng; Giá trị 01 ngôi nhà hai tầng, gạch chỉ tường 20, xây dựng khoảng năm 2006, giá trị còn lại = 193.650.000đồng; Giá trị mái tôn (phía trước nhà 2 tầng), giá trị còn lại = 5.635.000đồng; Giá trị cổng sắt 4 cánh (năm 2022), giá trị còn lại = 3.415.000đồng; Giá trị sân đổ bê tông khoảng năm 2017-2018, giá trị còn lại = 14.062.000đồng; Giá trị cổng sắt kéo cũ, giá trị còn lại = 90.000đồng; Giá trị tường xây gạch chỉ, giá trị còn lại = 1.949.000đồng; Giá trị mái lợp proximang, giá trị còn lại = 1.181.000đồng. Tổng cộng: 312.616.000đ (Ba trăm mười hai triệu, sáu trăm mười sáu triệu đồng).

Tại biên bản xác minh và công văn trả lời của UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng về nguồn gốc, hiện trạng thửa đất và có quan điểm như sau:

1. Nguồn gốc đất mang tên cụ Lưu Văn Giang:

1.1. Tại tờ bản đồ 299 thể hiện: Thửa đất số 372, tờ bản đồ số 12; diện tích 327m² tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, thể hiện chủ sử dụng diện tích mang tên ông Lưu Văn Giang;

- Tại sổ mục kê 299 thể hiện: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 12; diện tích 592 m², mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.2. Tại tờ bản đồ 1993 thể hiện: Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588 m², mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

- Tại sổ mục kê 1993: Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588m², mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

1.3. Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng do UBND huyện Cẩm Bình cấp 21/3/1997. thể hiện: Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở lâu dài, 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài) tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, thể hiện chủ sử dụng diện tích mang tên ông Lưu Văn Giang;

- Giáp ranh tứ cạnh như sau: Phía Tây Bắc giáp hộ nhà bà Cao Thị Liễu; Phía Đông Nam giáp hộ bà Lương Thị Lùng; Phía Tây Nam giáp đường thôn Trụ; Phía Đông Bắc giáp thửa đất khác của ông Lưu Văn Đạt.

2. Quan điểm của địa phương:

2.1. Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở lâu dài, 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, thể hiện chủ sử dụng diện tích mang tên ông Lưu Văn Giang;

2.2. Thửa đất diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở lâu dài, 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài), gia đình cụ Giang và cụ Năm sử dụng ổn định từ năm 1987 đến ngày 21/3/1997 UBND huyện Cẩm Bình (nay là huyện Cẩm Giàng) cấp mang tên cụ Lưu Văn Giang thì ngoài diện tích 300m² đất ở lâu dài, diện tích còn lại là 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài đã đủ điều kiện để chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở theo qui định tại Điều 57; Điều 59 Luật Đất đai 2013, Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai.

2.3. Không có việc giao dịch chuyển đổi, mua bán, tặng cho thông qua UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng đối với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở lâu dài, 72m² đất trồng cây

lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, thể hiện chủ sử dụng diện tích mang tên ông Lưu Văn Giang;

2.4. Đối với diện tích đất thể hiện “mương” tại sơ đồ 1993 bám theo mặt đường thôn Trụ, thị trấn Lai Cách tiếp giáp với thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588 m², mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương và diện tích đất dôi dư là đất công do UBND thị trấn quản lý, đề nghị Tòa án không xem xét giải quyết;

2.5. Tại thời điểm này UBND thị trấn Lai Cách được biết ngoài việc ông Đ và ông N, bà N đang tranh chấp với nhau đối với thửa đất mang tên ông Lưu Văn Giang do ông Lưu Văn Đ đang quản lý, không có tranh chấp mốc giới với các thửa đất giáp ranh. Việc tranh chấp giữa ông Đ và ông N, bà N, UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng đề nghị Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

2.6. UBND thị trấn Lai Cách cung cấp cho Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng các tài liệu gồm: Sổ mục kê 299; tờ bản đồ 299; sổ mục kê 1993; tờ bản đồ 1993 (bản photo có đóng dấu treo của UBND thị trấn Lai Cách) được lưu giữ tại UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng.

* Về hiện trạng thửa đất: Qua xem xét thẩm định tại chỗ hiện trạng thửa đất có sự biến động về diện tích đất tăng lên so với diện tích được ghi trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (782,4 m² – 588m² = 194,4 m²) thì trong đó có 114,7 m² là mương do UBND quản lý, 36,5 m² lỗi đi do UBND quản lý, phía sau hướng bắc 31,9m² đất dôi dư; 11,3m² là do sai số giữa các lần đo đạc và quá trình sử dụng của đương sự. Tuy nhiên, giữa các hộ giáp ranh tứ cạnh đều khẳng định về mốc giới sử dụng ổn định từ những năm 80 đến nay, không có việc tranh chấp gì. Nên các đương sự đề nghị Tòa án xem xét giải quyết đối với diện tích đất theo hiện trạng sử dụng.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị chia di sản thừa kế của cụ Giang và cụ Nắm là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15, mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương theo diện tích hiện trạng và các ý kiến đã trình bày trong quá trình thu thập chứng cứ.

Bị đơn đều giữ nguyên quan điểm của mình đã trình bày nêu trên; đề nghị HĐXX giải quyết chia di sản thừa kế của cụ Giang và cụ Nắm là thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15, mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương theo diện tích hiện trạng, sau khi áng trích một phần công sức cho vợ chồng ông Đ, một phần diện tích đất làm đường đi chung; phần còn lại được chia cho 5 anh chị em là con của hai cụ,

ông N và bà N đều có nguyện vọng được hưởng kỷ phần bằng hiện vật là diện tích đất.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (bà N và ông N): Đề nghị HĐXX, sau khi án trích công sức cho vợ chồng ông Đạt và trích một phần diện tích của hai cụ làm đường đi chung, phần còn lại được chia cho 5 người của hai cụ, bà N và ông N có nguyện vọng được nhận kỷ phần của mình bằng hiện vật là đất và ông bà tự nguyện tặng cho lại ông Đ kỷ phần của ông bà.

Bà V có đơn đề nghị HĐXX giải quyết cho vợ chồng bà được hưởng công sức tôn tạo thửa đất và duy trì di sản của hai cụ trong nhiều năm, bà không thể tự tính được khối lượng và trị giá, bà đề nghị Tòa án án trích và phân công sức của bà tự nguyện cho ông Đ và đề nghị Tòa án tính vào phần công sức duy trì khối di sản của hai cụ để lại cho ông Đ.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều tuân theo đúng quy định của pháp luật. Đối với các đương sự từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn và những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70; Điều 72 và Điều 73 Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị HĐXX: Căn cứ khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 618; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 98 Luật đất đai; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, đề nghị xử:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn Đ. Xác định di sản thừa kế của cụ Giang, cụ Năm là 599,3m² đất, tại thửa 118, tờ bản đồ số 15, thuộc thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương; mỗi đồng thừa kế được hưởng 01 phần diện tích sau khi trừ đi phần diện tích tương ứng với công sức duy trì, tôn tạo thửa đất của ông Đạt và trừ đi phần diện tích đất làm lối đi chung.

+ Giao cho ông Lưu Văn Đ quản lý và sử dụng 03 kỷ phần đất thừa kế (ông Đ + bà N + ông N) và 01 phần diện tích đất tương ứng với công sức tôn tạo, duy trì thửa đất, phần diện tích đất được hưởng trên đất có tài sản là ngôi nhà 02 tầng của ông.

+ Giao cho anh ông Lưu Văn N quản lý và sử dụng 01 kỷ phần đất thừa kế theo quy định.

+ Giao cho bà Lưu Thị N quản lý và sử dụng 01 kỷ phần đất thừa kế theo quy định.

Đối với ngôi nhà cấp 4 của hai cụ nếu vào phần đất của ai thì sẽ được hưởng mà không cần phải trả giá trị chênh lệch tài sản cho các đồng thừa kế khác.

- Về án phí: Ông Đ, ông N, bà N là người cao tuổi được miễn tiền án phí theo quy định của pháp luật.

+ Ông N, bà N phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

1.1. Thẩm quyền giải quyết: Đây là vụ án dân sự tranh chấp về chia di sản thừa kế; bị đơn đều cư trú tại thành phố Hồ Chí Minh. Tuy nhiên, bị đơn có đơn lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương giải quyết vụ án nên Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2. Tại phiên tòa nguyên đơn (ông Đ), người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (ông N); bị đơn (ông N); người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (bà N) là bà H; người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan (bà N, ông N), anh T đều có mặt tại phiên tòa; bà V vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử vụ án theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

1.3. Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Giang chết ngày 31/7/2003, cụ Năm chết ngày 07/01/2005. Căn cứ Điều 623; Điều 650 của Bộ luật dân sự thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn còn trong thời hiệu.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

2.1. Về nguồn gốc thửa đất: Theo bản đồ 299 thể hiện thửa đất số 372, tờ bản đồ số 12; diện tích 327m² tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, chủ sử dụng diện tích mang tên ông Lưu Văn Giang; Tại sổ mục kê 299 thể hiện: Thửa đất số 19, tờ bản đồ số 12; diện tích 592 m², mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Theo tờ bản đồ và sổ mục kê 1993 thể hiện: Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588 m², mang tên Lưu Văn Giang tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương. Tại hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng thể hiện: Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích 588m² (trong đó có 300m² đất ở lâu dài, 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài) tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải

Dương, đăng ký mang tên chủ sử dụng diện tích đất mang tên ông Lưu Văn Giang do UBND huyện Cẩm Bình cấp vào ngày 21/3/1997, chính là thửa đất hiện nay đang tranh chấp. Do thửa đất của cụ Giang có nguồn gốc và sử dụng liên tục những năm 80 đến nay và đã được thể hiện tại bản đồ 299, 1993 và bản đồ các thời kỳ. Căn cứ Điều 57; Điều 59 Luật Đất đai 2013, Thông tư 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ; Thông tư 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021 của Bộ tài nguyên và môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Đất đai; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật Đất đai thì 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm) và 216 m² đất trồng cây (lâu dài) sử dụng lâu dài đủ điều kiện công nhận là đất ở và được chuyển mục đích sử dụng thành đất ở. Theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ thì hiện trạng thửa đất có diện tích là 782,4m², tăng so với diện tích đất trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 194,4m². Sau khi thẩm định, lồng ghép kích thước các cạnh theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào hiện trạng thửa đất thì thấy: Phần diện tích đất tăng so với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong đó có 114,7m² là “mương” do UBND thị trấn Lai Cách quản lý; 36,5m² đất gia đình ông Đ vượt lập một phần “mương” làm đường đi vào thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15 (đều bám theo trục đường thôn Trụ). Quá trình sử dụng gia đình cụ Giang đã lấn ra phía đông bắc 31,9 m² đất do UBND thị trấn Lai Cách quản lý. Đối trừ các phần diện tích nêu trên thì thửa đất của cụ Giang theo hiện trạng là 599,3m². Như vậy, diện tích đất theo hiện trạng so với diện tích đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất tăng (599,3m² - 588m² = 11,3m²) là do sai số trong quá trình đo đạc, các đương sự đều đã thống nhất về mốc giới không có tranh chấp nên đây là diện tích đất hợp pháp của cụ Giang và cụ Năm để xem xét giải quyết trong vụ án. Do vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ để xác định di sản thừa kế của cụ Giang và cụ Năm là diện tích đất 599,3m². Tuy nhiên, theo hiện trạng của thửa đất, do vợ chồng ông Đ đã xây dựng ngôi nhà 2 tầng kiên cố từ năm 2006, có cạnh phía Đông Nam của ngôi nhà kiên cố đã xây dựng sát cạnh phía tây bắc của diện tích còn lại, chỉ còn khoảng gần 50cm nên không thể làm lối đi vào diện tích còn lại của thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15. Thực tế, gia đình ông Đ đã lấp một phần diện tích “mương” do UBND thị trấn quản lý để làm lối đi vào thửa đất của cụ Giang từ năm 2006 và sử dụng ổn định lối đi này từ đó cho đến nay, không có tranh chấp với ai. Mặc dù, tại thời điểm năm 2006 gia đình ông Đ không có đơn gửi chính quyền về việc lấp mương làm lối đi vào thửa đất nhưng kể từ đó cho đến nay UBND thị trấn Lai Cách cũng không có bất cứ ý kiến hay

văn bản nào về việc không đồng ý cho gia đình ông Đạt sử dụng lối đi như hiện tại. Nay, Tòa án giải quyết tranh chấp chia di sản thừa kế của cụ Giang và cụ Năm để lại theo pháp luật cho các hàng thừa kế thì phải đảm bảo về quyền lợi ích hợp pháp của các hàng thừa kế khi được phân chia di sản bằng hiện vật là diện tích đất thì phải có lối đi vào thửa đất được chia. Do vậy, HĐXX xét thấy cần trích một phần diện tích đất 45,9m² là di sản của hai cụ và diện tích 36,5m² đất nương làm đường đi chung.

2.2. Xác định di sản thừa kế: Các đương sự là nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều thống nhất xác định khi cụ Giang và cụ Năm chết có để lại:

- Về di sản là đất: Thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15; diện tích theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là 588m² (trong đó có 300m² đất ở lâu dài, 72m² đất trồng cây lâu năm (50 năm); 216m² đất trồng cây lâu dài) tại địa chỉ thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, thửa đất được hai cụ và các con cháu sử dụng liên tục từ những năm 80 cho đến nay, không mua thêm, không bán đi hoặc tặng cho ai, không có tranh chấp với ai. Do sai số đo đạc nên diện tích thực tế là 599,3m². Trước khi chết cụ Giang và cụ Năm đều không để lại di chúc, không để lại nghĩa vụ trả nợ cho ai, từ khi hai cụ chết cho đến nay các con đẻ của hai cụ chưa có văn bản phân chia di sản hợp pháp. Do vậy, xác định di sản của hai cụ là diện tích 599,3m² đất theo hiện trạng thuộc quyền sử dụng hợp pháp của cụ Giang và cụ Năm nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế theo pháp luật là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về di sản là nhà: 01 ngôi nhà cấp 4 xây gạch chỉ tường 20, xây dựng vào khoảng năm 1984. Các đương sự là đồng thừa kế đều xác định ngôi nhà cấp 4 là di sản của cụ Giang và cụ Năm, vào năm 2017 vợ chồng ông Đ đã cải tạo, sửa chữa. Nhưng các đồng thừa kế đều thống nhất sau khi Tòa án phân chia phần đất cho người nào mà có một phần ngôi nhà là di sản của hai cụ thì người đó tự phá dỡ phần nhà cấp 4 đó. Qua đối chiếu với sơ đồ thẩm định hiện trạng thì trên phần diện tích đất ở chia giao cho bà N, ông N, ông N và bà N đều có một phần của ngôi nhà cấp 4 là di sản của hai cụ, không có cây cối là di sản. Xét, ngôi nhà cấp 4 của hai cụ xây dựng vào năm 1984, được vợ chồng ông Đ sửa chữa vào năm 2017. Mặc dù, hiện nay vẫn còn một phần giá trị sử dụng nhưng vợ chồng ông Đ tự nguyện không yêu cầu các đồng thừa kế phải hoàn trả số tiền sửa chữa ngôi nhà cũng như hoàn toàn đồng ý việc phá dỡ ngôi nhà cấp 4 trên phần đất do Tòa án phân chia. HĐXX nhận thấy sự thống nhất thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện và phù hợp qui định nên cần chấp nhận.

2.3. Về việc trích trả công sức: Ông Đ, bà V đã ở cùng cụ Giang và cụ Năm từ năm 1981 cho đến khi các cụ chết. Khi các cụ còn sống vợ chồng ông Đ đã nuôi dưỡng bố mẹ không có lương, san lấp, vượt lập, tôn tạo thửa đất của hai cụ trong nhiều năm. Các đương sự, chính quyền địa phương, người làm chứng đều xác định quá trình sử dụng đất ông Đ, bà V có công sức tôn tạo, duy trì thửa đất nhưng không xác định được khối lượng giá trị cụ thể. Do vậy, Hội đồng xét xử án trích công sức tôn tạo, duy trì đất cho ông Đ, bà V = 46,1 m² đất, trị giá 461.000.000đ (*Bốn trăm sáu mươi một ngàn đồng*).

2.4. Về xác định hàng thừa kế và phân chia di sản: Cụ Giang và cụ Năm có 05 người con chung. Cụ Giang chết ngày 31/7/2003, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Giang gồm 06 người là cụ N, bà N, ông N, ông Đ, ông N, bà N. Cụ Năm chết ngày 07/01/2005, hàng thừa kế thứ nhất của cụ Năm gồm 05 người con là bà N, ông N, ông Đ, ông N, bà N. Mặc dù thời điểm mở thừa kế của cụ Giang và cụ Năm khác nhau nhưng ngoài 05 người con chung như nêu trên, hai cụ không còn con riêng, con nuôi nào khác bố mẹ của hai cụ đều chết trước thời điểm hai cụ chết. Do vậy, di sản của hai cụ được chia thành 05 suất cho những người được hưởng thừa kế nêu trên. Tuy nhiên, do hiện trạng thửa đất của hai cụ khi chia bằng hiện vật cho các đồng thừa kế thì phải bảo đảm thuận tiện cho việc đi lại nên cần thiết phải có lối đi chung. Do vậy, HĐXX căn cứ qui định tại khoản 2, khoản 3 Điều 254 của Bộ luật dân sự trích một phần đất là di sản của hai cụ làm lối đi chung có diện tích 45,9m²; vợ chồng ông Đạt có trách nhiệm tháo dỡ công trình hoặc di dời các vật dụng trên diện tích đất nêu trên (nếu có) để trả lại lối đi chung cho các hộ. Như vậy, sau khi án trích công sức tôn tạo, duy trì đất cho ông Đ, bà V 46,1 m² đất và trích một phần diện tích 45,9m² làm đường đi chung thì di sản thừa kế của cụ Giang và cụ Năm còn lại để chia là: 507,3 m² : 5 (suất) = 101,46 m²/suất (làm tròn = 101,5m²). Diện tích đất 507,3 m² x 10.000.000đ/m² = 5.073.000.000đ, mỗi suất 1.014.600.000đ. Bà N, ông N tặng cho lại ông Đ phần di sản ông bà được hưởng. Ông Đ và bà V thỏa thuận phần di sản mà ông Đ được hưởng và phần công sức của ông bà được trích trả thì đề nghị Hội đồng xét xử tuyên giao cho cả cho ông Đ được hưởng; trường hợp phải trả đương sự khác giá trị phần di sản mà họ được hưởng bằng tiền hoặc trả phải chênh lệch tài sản cho đương sự khác và các nghĩa vụ tài chính khác đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật thì ông bà cùng có trách nhiệm thực hiện. Xét việc cho nhận di sản và thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần được ghi nhận.

2.5. Về chia hiện vật: Xem xét về hiện trạng thửa đất, quá trình sử dụng cũng như ý kiến của các đương sự về yêu cầu chia di sản bằng hiện vật để mọi người có chỗ ở. Xét thực tế hiện trạng đất có thể chia bằng hiện vật và đề nghị của các đương sự là phù hợp pháp luật, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hiện vợ

chồng ông Đ bà V đang sinh sống trên thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15, ông bà đã xây dựng ngôi nhà mái bằng 02 tầng kiên cố và một số công trình khác trên đất và đây là nơi ở duy nhất của cả gia đình vợ chồng ông Đ, bà V (3 cặp vợ chồng cùng các cháu), không có nơi ở nào khác. Ông Đ đề nghị được hưởng phần di sản thừa kế bằng hiện vật là đất; bà N và ông N đề nghị được hưởng phần di sản thừa kế bằng hiện vật và tự nguyện tặng cho ông Đ kỹ phần của mình cho ông Đ, ông Đ hoàn toàn đồng ý nhận; ông N và bà N đều đề nghị được nhận kỹ phần là hiện vật. Do vậy, để đảm bảo nơi ở cho gia đình ông Đ bà V, cần giao cho vợ chồng ông Đ diện tích đất 350,48m² (làm tròn =350,40m²), trị giá = 3.504.000.000 đồng và ông Đ được sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền diện tích đất này, bao gồm: Ngôi nhà chính 2 tầng kiên cố mà ông bà đang sử dụng trị giá 193.650.000đồng; mái tôn (phía trước nhà 2 tầng), trị giá 5.635.000đồng; cổng sắt 4 cánh (năm 2022) trị giá 3.415.000đồng và một số công trình khác trên diện tích đất nói trên; Giao cho ông Lưu Văn N được sử dụng phần đất diện tích 101,5 m² trị giá = 1.015.000.000 đồng, trên phần đất giao cho ông Ngoan có một phần ngôi nhà cấp 4 là di sản của hai cụ; 01 phần nhà kho và một phần mái tôn (phía sau nhà cấp 4); Giao cho bà Lưu Thị N được sử dụng phần đất diện tích 101,5 m² trị giá = 1.015.000.000 đồng, trên phần đất giao cho bà N có một phần ngôi nhà cấp 4 (bức tường đầu hồi của ngôi cấp 4 về phía đông). Ranh giới giữa các phần đất được chia là 01 đường thẳng tính từ đường đi chung (phía tây nam, đường trục thôn) kéo về cuối thửa đất là phía Đông Bắc.

2.6. Về nghĩa vụ cụ Giang và cụ Năm để lại trước khi chết: Các đương sự đều khai thống nhất trước khi chết, hai cụ không để lại nghĩa vụ nào về tài sản nên phần di sản của hai cụ được chia cho những người được hưởng thừa kế mà không phải thực hiện nghĩa vụ về tài sản nào do hai cụ để lại.

2.7. Những vấn đề khác:

- Quá trình Tòa án giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các đương sự đều thống nhất đề nghị Tòa án chia di sản thừa kế bằng hiện vật là diện tích đất, phần công trình trên đất của các đồng thừa kế được hưởng có ngôi nhà cấp 4 của bố mẹ để lại mà vợ chồng ông Đ tự sửa chữa thì ông Đ phải tự phá dỡ; ngoài ra ông Đ tự nguyện không yêu cầu các đồng thừa kế khác phải hoàn trả giá trị tài sản là công trình trên đất cho ông. Xét, việc các đương sự thống nhất như trên là hoàn toàn tự nguyện nên cần chấp nhận.

- Bà Hoàng Thị V là vợ ông Lưu Văn Đ đã thống nhất tự nguyện giao phần công sức được hưởng của ông bà cho ông Đ được nhận. Xét đề nghị của bà V là hoàn toàn tự nguyện nên HĐXX cần chấp nhận là phù hợp.

[3] Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ, định giá tài sản: Các đương sự phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản tương ứng với phần di

sản được chia. Tuy nhiên, ông Đ đã nộp tạm ứng và tự nguyện chịu cả và không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên HĐXX không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Đ, bà N, ông N đều là người cao tuổi, đã có đơn đề nghị Tòa án miễn án phí nên được miễn án phí dân sự sơ thẩm. Ông N và bà N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm tương ứng với giá trị kỷ phần thừa kế được hưởng.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ áp dụng Điều 609; Điều 610; Điều 611; Điều 612; Điều 613; Điều 618; Điều 623; Điều 649; Điều 650; Điều 651 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 98 Luật đất đai; khoản 5 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Luật phí và lệ phí số 97 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lưu Văn Đ về việc chia di sản thừa kế của cụ Lưu Văn Giang và cụ Lưu Thị Năm.

1. Những người được hưởng di sản của cụ Giang và cụ Năm bao gồm: Bà Lưu Thị N, ông Lưu Văn N, ông là Lưu Văn Đ, ông Lưu Văn N và bà Lưu Thị N.

2. Xác nhận di sản thừa kế của cụ Lưu Văn Giang và cụ Lưu Thị Năm là quyền sử dụng đất diện tích 599,3 m² thuộc thửa số 118, tờ bản đồ số 15 tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, trị giá 5.993.000.000đ. Áng trích công sức tôn tạo, duy trì di sản cho ông Lưu Văn Đ và bà Hoàng Thị V = 46,1m² đất, trị giá = 461.000.000đ; Trích diện tích 45,9m² đất, trị giá = 459.000.000đ (phần mặt tiền tiếp giáp nương, đường trục thôn) để làm đường đi chung. Xác nhận di sản của cụ Lưu Văn Giang và cụ Lưu Thị Năm còn lại để phân chia là 507,3m² đất, trị giá 5.073.000.000đ. Chia di sản của cụ Giang và cụ Năm thành 05 kỷ phần, mỗi kỷ phần trị giá = 1.014.600.000đ. Chấp nhận sự tự nguyện của bà N và ông N về việc tặng cho ông Đ toàn bộ di sản mà ông bà được hưởng. Chấp nhận sự tự nguyện của bà V về việc cho ông Đ được hưởng phần công sức duy trì di sản.

3. Về việc phân chia di sản là hiện vật:

- Xác định diện tích đất 45,9m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15 tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được xác định bởi các điểm từ B5-B9-B10-A13-B3-B4 đến B5, có tứ cạnh: Phía Đông Bắc giáp đất ông Đạt, ông Ngoan, bà Nhị được chia; Phía Tây Bắc giáp đất nhà 2 tầng nhà ông Đạt; cạnh phía Tây Nam giáp đất nương do UBND thị trấn Lai Cách quản lý (trục đường thôn Trụ); cạnh phía Đông Nam giáp đất hộ bà Lương Thị Lừng (có sơ đồ kèm theo) là lối đi chung.

- Giao cho ông Lưu Văn Đ được quyền sử dụng 350,4m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15 tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được xác định bởi các điểm từ B6-B7-B8-A3-A4-A5-A6-A7-B1-C4-C1-B4 đến B6, có tứ cạnh: Phía Tây Nam giáp trục đường thôn Trụ và tiếp giáp nương do thị trấn Lai Cách quản lý; Phía Tây Bắc giáp đất hộ nhà bà Cao Thị Liễu; Phía Đông Bắc giáp thửa đất khác của ông Đ; Phía Đông Nam giáp thửa đất ông N được chia (có sơ đồ kèm theo); Tổng trị giá 3.504.000.000 đồng (*Ba tỷ năm trăm linh bốn triệu đồng*); ông Đ được sở hữu toàn bộ các tài sản trên phần đất được chia.

- Giao cho ông Lưu Văn N được quyền sử dụng 101,5m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15 tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được xác định bởi các điểm từ C1-C4-C3-C2 đến C1, có tứ cạnh: Phía Tây Nam tiếp giáp nương do thị trấn Lai Cách quản lý (trục thôn Trụ); Phía Tây Bắc giáp đất hộ ông Đ được chia; Phía Đông Bắc giáp thửa đất khác của ông Đ; Phía Đông Nam giáp thửa đất bà N được chia (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá 1.014.600.000đ (*Một tỷ không trăm mười bốn ngàn sáu trăm đồng*); ông N được sở hữu toàn các tài sản trên phần đất được chia.

- Giao cho bà Lưu Thị N được quyền sử dụng 101,5 m² tại thửa đất số 118, tờ bản đồ số 15 tại thôn Trụ, thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương, được xác định bởi các điểm từ C2-C3-B2-A11-A12-B3 đến C2, có tứ cạnh: Phía Tây Nam tiếp giáp nương do thị trấn Lai Cách quản lý (trục thôn Trụ); Phía Tây Bắc giáp đất hộ ông N được chia; Phía Đông Bắc giáp thửa đất khác của ông Đ; Phía Đông Nam giáp thửa đất bà Lương Thị Lừng (có sơ đồ kèm theo). Tổng trị giá 1.014.600.000đ (*Một tỷ không trăm mười bốn ngàn sáu trăm đồng*); Bà N được sở hữu toàn các tài sản trên phần đất được chia.

Ranh giới giữa các phần đất được chia là 01 đường thẳng tính từ đường đi chung (phía tây nam, tiếp giáp nương - đường trục thôn) kéo về cuối thửa đất là phía Đông Bắc (giáp thửa đất nhà ông Đ đang sử dụng do UBND thị trấn Lai Cách quản lý).

- Diện tích 36,5m² đất “nương” do UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương quản lý, được xác định bởi các điểm từ B9-B10-A15-A16-A17-A18-A1-B14-B13-B12-B11 đến B9 là lối đi chung.

(Về vị trí, diện tích, kích thước các cạnh đất có sơ đồ kèm theo bản án)

Ông Đ, ông N, bà N có trách nhiệm liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục hợp hóa đối với phần đất được chia theo quy định của pháp luật.

4. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông Lưu Văn Đ, bà Lưu Thị N và ông Lưu Văn N;

- Buộc ông Lưu Văn N và bà Lưu Thị N, mỗi người phải chịu số tiền án phí Dân sự sơ thẩm là 50.750.000đ (*Năm mươi triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng*).

5. Về quyền kháng cáo: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, nguyên đơn; Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn, bị đơn đều có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án Dân sự sơ thẩm. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan của (bà N, ông N) là anh T có mặt tại phiên tòa nên có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (UBND thị trấn Lai Cách, huyện Cẩm Giàng); bà V vắng mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án về những nội dung trực tiếp liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Giàng;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Tố Uyên

